

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TỔ CHỨC NGÀY 09&10/8/2026

| TT | Họ và tên         | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Dân tộc | Số CCCD      | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu  | Ngày cấp   | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------|------------|-----------|---------|--------------|-----------|-----------|-----------------------------|----------|------------|---------|
|    |                   |           |            |           |         |              | Lý thuyết | Thực hành |                             |          |            |         |
| 1  | Võ Văn Đạt        | Nam       | 06/04/1995 | Nghệ An   | Kinh    | 040095010433 | 6.3       | 7.0       | 1880/QĐ395/2026             | TH016771 | 14/08/2026 |         |
| 2  | Lê Thành Đạt      | Nam       | 09/02/1997 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042097012942 | 5.0       | 7.0       | 1881/QĐ395/2026             | TH016772 | 14/08/2026 |         |
| 3  | Hoa Hùng Dũng     | Nam       | 12/02/1983 | Nghệ An   | Kinh    | 040083009305 | 6.0       | 6.0       | 1882/QĐ395/2026             | TH016773 | 14/08/2026 |         |
| 4  | Chu Tiến Dũng     | Nam       | 25/09/1999 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042099001166 | 5.0       | 5.5       | 1883/QĐ395/2026             | TH016774 | 14/08/2026 |         |
| 5  | Nguyễn Trung Hậu  | Nam       | 16/03/2003 | Quảng Trị | Kinh    | 044203000821 | 7.0       | 6.0       | 1884/QĐ395/2026             | TH016775 | 14/08/2026 |         |
| 6  | Nguyễn Viết Hoàng | Nam       | 20/09/1995 | Nghệ An   | Kinh    | 040095004254 | 6.3       | 6.0       | 1885/QĐ395/2026             | TH016776 | 14/08/2026 |         |
| 7  | Nguyễn Mạnh Hùng  | Nam       | 09/09/1990 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042090019098 | 7.3       | 7.0       | 1886/QĐ395/2026             | TH016777 | 14/08/2026 |         |
| 8  | Hồ Văn Kiên       | Nam       | 15/05/1988 | Nghệ An   | Kinh    | 040088003113 | 7.3       | 7.0       | 1887/QĐ395/2026             | TH016778 | 14/08/2026 |         |
| 9  | Đặng Hà Lin       | Nam       | 30/05/1988 | CHLB Đức  | Kinh    | 044088002312 | 5.3       | 5.0       | 1888/QĐ395/2026             | TH016779 | 14/08/2026 |         |
| 10 | Ngô Thị Loan      | Nữ        | 15/07/1990 | Nghệ An   | Kinh    | 040190010257 | 5.3       | 7.5       | 1889/QĐ395/2026             | TH016780 | 14/08/2026 |         |
| 11 | Nguyễn Thị Lộc    | Nữ        | 03/05/1991 | Nghệ An   | Kinh    | 040191012021 | 6.0       | 6.5       | 1890/QĐ395/2026             | TH016781 | 14/08/2026 |         |
| 12 | Nguyễn Hoàng Long | Nam       | 14/07/1990 | Quảng Trị | Kinh    | 045090006982 | 6.7       | 5.0       | 1891/QĐ395/2026             | TH016782 | 14/08/2026 |         |
| 13 | Nguyễn Tất Mạnh   | Nam       | 15/08/1997 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042097006649 | 7.0       | 6.0       | 1892/QĐ395/2026             | TH016783 | 14/08/2026 |         |

| TT | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Dân tộc | Số CCCD      | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu  | Ngày cấp   | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------|------------|-----------|---------|--------------|-----------|-----------|-----------------------------|----------|------------|---------|
|    |                    |           |            |           |         |              | Lý thuyết | Thực hành |                             |          |            |         |
| 14 | Nguyễn Thị Nhung   | Nữ        | 24/08/1987 | Nghệ An   | Kinh    | 040187088934 | 5.7       | 6.0       | 1893/QĐ395/2026             | TH016784 | 14/08/2026 |         |
| 15 | Nguyễn Hồng Ninh   | Nam       | 24/06/1989 | Quảng Trị | Kinh    | 045089002953 | 5.3       | 6.0       | 1894/QĐ395/2026             | TH016785 | 14/08/2026 |         |
| 16 | Lê Hồng Quân       | Nam       | 20/09/1992 | Quảng Trị | Kinh    | 044092003431 | 5.7       | 7.5       | 1895/QĐ395/2026             | TH016786 | 14/08/2026 |         |
| 17 | Hà Thế Quyền       | Nam       | 11/11/1989 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042089016970 | 5.0       | 6.5       | 1896/QĐ395/2026             | TH016787 | 14/08/2026 |         |
| 18 | Đình Nho Quyền     | Nam       | 20/03/1993 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042093005737 | 6.7       | 6.0       | 1897/QĐ395/2026             | TH016788 | 14/08/2026 |         |
| 19 | Hồ Văn Sơn         | Nam       | 07/10/1997 | Nghệ An   | Kinh    | 040097028254 | 6.0       | 6.0       | 1898/QĐ395/2026             | TH016789 | 14/08/2026 |         |
| 20 | Hồ Trọng Thành     | Nam       | 10/10/1994 | Nghệ An   | Kinh    | 040094010589 | 5.3       | 6.5       | 1899/QĐ395/2026             | TH016790 | 14/08/2026 |         |
| 21 | Nguyễn Thị Anh Thư | Nữ        | 15/09/2003 | Nghệ An   | Kinh    | 040303020777 | 8.0       | 9.0       | 1900/QĐ395/2026             | TH016791 | 14/08/2026 |         |
| 22 | Trịnh Tiến Đạt     | Nam       | 10/12/1999 | Hung Yên  | Kinh    | 034099003480 | 5.7       | 5.5       | 1901/QĐ395/2026             | TH016792 | 14/08/2026 |         |
| 23 | Nguyễn Thị Thu Hà  | Nữ        | 15/04/1985 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042185005347 | 5.7       | 5.5       | 1902/QĐ395/2026             | TH016793 | 14/08/2026 |         |
| 24 | Phan Thị Ngọc Hân  | Nữ        | 18/01/2003 | Nghệ An   | Kinh    | 040303006962 | 5.7       | 8.0       | 1903/QĐ395/2026             | TH016794 | 14/08/2026 |         |
| 25 | Lê Đình Hùng       | Nam       | 18/12/2001 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042201003764 | 7.0       | 7.0       | 1904/QĐ395/2026             | TH016795 | 14/08/2026 |         |
| 26 | Cao Trọng Hùng     | Nam       | 16/06/1977 | Hà Tĩnh   | Kinh    | 042077008648 | 5.3       | 7.0       | 1905/QĐ395/2026             | TH016796 | 14/08/2026 |         |
| 27 | Võ Khánh Kinh      | Nam       | 08/02/1992 | Nghệ An   | Kinh    | 042083002574 | 6.0       | 6.0       | 1906/QĐ395/2026             | TH016797 | 14/08/2026 |         |
| 28 | Nguyễn Tất Lợi     | Nam       | 26/05/1999 | Nghệ An   | Kinh    | 040099001157 | 5.7       | 6.5       | 1907/QĐ395/2026             | TH016798 | 14/08/2026 |         |
| 29 | Phan Tất Sang      | Nam       | 18/11/1994 | Nghệ An   | Kinh    | 040094004463 | 5.7       | 6.5       | 1908/QĐ395/2026             | TH016799 | 14/08/2026 |         |

| TT | Họ và tên                | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Dân tộc | Số CCCD      | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu  | Ngày cấp   | Ghi chú |
|----|--------------------------|-----------|------------|------------|---------|--------------|-----------|-----------|-----------------------------|----------|------------|---------|
|    |                          |           |            |            |         |              | Lý thuyết | Thực hành |                             |          |            |         |
| 30 | Lê Đăng Tinh             | Nam       | 20/08/1990 | Nghệ An    | Kinh    | 040090005173 | 7.7       | 8.0       | 1909/QĐ395/2026             | TH016800 | 14/08/2026 |         |
| 31 | Võ Đức Trung             | Nam       | 16/10/1992 | Nghệ An    | Kinh    | 040092001847 | 7.3       | 6.5       | 1910/QĐ395/2026             | TH016801 | 14/08/2026 |         |
| 32 | Hoàng Ngọc Tú            | Nam       | 12/06/1990 | Hà Tĩnh    | Kinh    | 042090021989 | 5.7       | 5.5       | 1911/QĐ395/2026             | TH016802 | 14/08/2026 |         |
| 33 | Lê Quốc Tuấn             | Nam       | 01/12/1990 | Quảng Trị  | Kinh    | 045090003396 | 5.7       | 6.0       | 1912/QĐ395/2026             | TH016803 | 14/08/2026 |         |
| 34 | Nguyễn Thị Vân           | Nữ        | 29/07/1996 | Nghệ An    | Kinh    | 040196012033 | 5.3       | 6.5       | 1913/QĐ395/2026             | TH016804 | 14/08/2026 |         |
| 35 | Nguyễn Thị Ngọc Anh      | Nữ        | 12/06/2005 | Nghệ An    | Kinh    | 040305023278 | 6.3       | 9.0       | 1914/QĐ395/2026             | TH016805 | 14/08/2026 |         |
| 36 | Trần Nhật Ánh            | Nam       | 24/12/1997 | Hà Tĩnh    | Kinh    | 042097000484 | 8.3       | 9.0       | 1915/QĐ395/2026             | TH016806 | 14/08/2026 |         |
| 37 | Trương Thị Ngọc Ánh      | Nữ        | 26/10/1987 | Nghệ An    | Thổ     | 040187033765 | 6.0       | 6.0       | 1916/QĐ395/2026             | TH016807 | 14/08/2026 |         |
| 38 | Trần Thanh Bảy           | Nam       | 21/10/1993 | Nghệ An    | Kinh    | 040093035645 | 6.7       | 7.5       | 1917/QĐ395/2026             | TH016808 | 14/08/2026 |         |
| 39 | Nguyễn Quỳnh Chi         | Nữ        | 06/06/2004 | Hà Tĩnh    | Kinh    | 042304011684 | 6.7       | 8.0       | 1918/QĐ395/2026             | TH016809 | 14/08/2026 |         |
| 40 | Đào Thị Thúy Hằng        | Nữ        | 02/03/2002 | Hà Tĩnh    | Kinh    | 042302010050 | 8.0       | 9.0       | 1919/QĐ395/2026             | TH016810 | 14/08/2026 |         |
| 41 | Phùng Thị Hồng Hạnh      | Nữ        | 15/11/2003 | TP.Đà Nẵng | Kinh    | 049303007628 | 8.0       | 9.0       | 1920/QĐ395/2026             | TH016811 | 14/08/2026 |         |
| 42 | Tiết Nguyễn Hà Việt Hưng | Nam       | 12/07/2003 | Cà Mau     | Kinh    | 038203002724 | 6.0       | 7.5       | 1921/QĐ395/2026             | TH016812 | 14/08/2026 |         |
| 43 | Võ Thanh Huyền           | Nữ        | 12/11/1996 | Nghệ An    | Kinh    | 040196021007 | 5.3       | 6.0       | 1922/QĐ395/2026             | TH016813 | 14/08/2026 |         |
| 44 | Nguyễn Sỹ Mạnh Linh      | Nam       | 17/11/2011 | Nghệ An    | Kinh    | 040211019577 | 5.3       | 5.5       | 1923/QĐ395/2026             | TH016814 | 14/08/2026 |         |
| 45 | Nguyễn Thị Lương         | Nữ        | 09/03/1997 | Nghệ An    | Kinh    | 040197026971 | 7.3       | 7.0       | 1924/QĐ395/2026             | TH016815 | 14/08/2026 |         |

| TT | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Dân tộc | Số CCCD      | Điểm thi  |           | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Số hiệu  | Ngày cấp   | Ghi chú |
|----|---------------------|-----------|------------|-----------|---------|--------------|-----------|-----------|-----------------------------|----------|------------|---------|
|    |                     |           |            |           |         |              | Lý thuyết | Thực hành |                             |          |            |         |
| 46 | Nguyễn Thị Lê Na    | Nữ        | 08/09/2004 | Nghệ An   | Kinh    | 40304016992  | 6.3       | 6.5       | 1925/QĐ395/2026             | TH016816 | 14/08/2026 |         |
| 47 | Bùi Thị Thúy Nga    | Nữ        | 04/04/1980 | Nghệ An   | Kinh    | 040180018605 | 7.0       | 6.5       | 1926/QĐ395/2026             | TH016817 | 14/08/2026 |         |
| 48 | Ngô Thị Diệu Quỳnh  | Nữ        | 04/04/2001 | Nghệ An   | Kinh    | 40301009480  | 5.0       | 7.5       | 1927/QĐ395/2026             | TH016818 | 14/08/2026 |         |
| 49 | Trương Thị Ngọc Tâm | Nữ        | 15/02/2005 | Nghệ An   | Thái    | 040305016884 | 8.0       | 8.0       | 1928/QĐ395/2026             | TH016819 | 14/08/2026 |         |
| 50 | Thái Thị Thoa       | Nữ        | 02/09/1997 | Nghệ An   | Kinh    | 040197015164 | 6.0       | 6.5       | 1929/QĐ395/2026             | TH016820 | 14/08/2026 |         |
| 51 | Lê Thị Thương       | Nữ        | 24/05/2004 | Lâm Đồng  | Kinh    | 067304003897 | 6.7       | 6.5       | 1930/QĐ395/2026             | TH016821 | 14/08/2026 |         |
| 52 | Mai Thị Thương      | Nữ        | 01/06/1991 | Nghệ An   | Kinh    | 040191003622 | 5.7       | 6.5       | 1931/QĐ395/2026             | TH016822 | 14/08/2026 |         |
| 53 | Nguyễn Thị Thủy     | Nữ        | 14/09/1992 | Nghệ An   | Kinh    | 40192031930  | 6.7       | 9.0       | 1932/QĐ395/2026             | TH016823 | 14/08/2026 |         |
| 54 | Dương Công Trung    | Nam       | 09/09/1979 | Nghệ An   | Kinh    | 040079001277 | 6.0       | 6.0       | 1933/QĐ395/2026             | TH016824 | 14/08/2026 |         |
| 55 | Thái Thị Vân        | Nữ        | 02/09/1999 | Nghệ An   | Kinh    | 040199016562 | 7.7       | 5.0       | 1934/QĐ395/2026             | TH016825 | 14/08/2026 |         |
| 56 | Nguyễn Công Việt    | Nam       | 13/11/1977 | Ninh Bình | Kinh    | 036077022351 | 5.7       | 5.0       | 1935/QĐ395/2026             | TH016826 | 14/08/2026 |         |
| 57 | Lưu Thị Yến         | Nữ        | 03/08/1997 | Nghệ An   | Kinh    | 040197021262 | 7.3       | 7.5       | 1936/QĐ395/2026             | TH016827 | 14/08/2026 |         |







